

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 12 / 6 / 2014

362/145 V

COMBIMIN

WHO - GMP

CTY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
166-170 Nguyễn Huệ - Tuy Hòa - Phú Yên - VN

THÀNH PHẦN - Mỗi ống 2 ml chứa
Thiamin HCl 1 mg
Pyridoxin HCl 4 mg
Riboflavin natri phosphat 4 mg
Nicotinamid 40 mg
Dexpanthenol 6 mg
CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG,
CÁCH DÙNG - Xem tờ hướng dẫn sử dụng.
BẢO QUẢN - Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng.
TIÊU CHUẨN - TCCS.

Rx Thuốc bán theo đơn

COMBIMIN

Dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch
Hộp 12 ống tiêm 2 ml
Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Pymepharco



COMBIMIN

COMBIMIN



8 936014 588178

COMPOSITION - Each ampoule of 2 ml contains
Thiamine HCl 1 mg
Pyridoxine HCl 4 mg
Riboflavin sodium phosphate 4 mg
Nicotinamide 40 mg
Dexpanthenol 6 mg
INDICATIONS, CONTRA-INDICATIONS, DOSAGE,
ADMINISTRATION - Read the leaflet inside.
STORAGE - In a dry, cool place (below 30°C). Protect from light.
SPECIFICATION - In-house.

108 x 63 x 32

Rx Prescription drug

COMBIMIN

Solution for intramuscular, intravenous injection
Box of 12 ampoules of 2 ml
Keep out of reach of children
Read the leaflet carefully before using



Pymepharco



HUỖNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Số lô SX/Lot :
Ngày SX/ Mfg.:
HD/ Exp. :
SDK / VISA: XX - XXXX - XX

Nhãn ống



HD : Ngày / Tháng / Năm

Lô SX: ABMMVY

 *Pymepharco*

COMBIMIN
2ml

Dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch
Solution for intramuscular,
intravenous injection

CTY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

VB



HUỲNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx

*Thuốc bán theo đơn. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay của trẻ em.*

COMBIMIN

THÀNH PHẦN: Mỗi ống dung dịch 2ml chứa

Vitamin B1 (Thiamin HCl)	1 mg
Vitamin B6 (Pyridoxin HCl)	4 mg
Vitamin B2 (Riboflavin natri phosphat)	4 mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	40 mg
Vitamin B5 (Dexpanthenol)	6 mg

Tá dược: Glycerin, Alcohol tuyệt đối, Phenol, Nước cất pha tiêm.

DƯỢC LỰC HỌC

COMBIMIN cung cấp các vitamin cần thiết cho các hoạt động chuyển hóa bình thường của cơ thể, tham gia vào chuyển hóa glucid, protid, lipid của mô và sinh năng lượng. Các vitamin B được sử dụng để duy trì khả năng chịu đựng của cơ thể trong suốt thời gian bệnh và làm việc quá sức về thể chất lẫn tinh thần.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Vitamin B1: Vitamin B1 hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa. Ở người lớn, lượng vitamin B1 tối thiểu cần thiết mỗi ngày khoảng 1 mg. Thải trừ qua nước tiểu.

Vitamin B2: Vitamin B2 hấp thu chủ yếu ở tá tràng. Các chất chuyển hóa của vitamin B2 được phân bố khắp các mô trong cơ thể. Chủ yếu đào thải qua thận. Vitamin B2 qua được nhau thai và sữa mẹ.

Vitamin B6: Vitamin B6 hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa. Phân phối chủ yếu ở gan, một ít ở cơ, não. T_{1/2} từ 15-20 ngày. Thải trừ chủ yếu qua thận dưới dạng chuyển hóa. Vitamin B6 qua được nhau thai và sữa mẹ.

Vitamin PP: Vitamin PP hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa. Phân bố rộng vào các mô, có thể vào sữa mẹ. T_{1/2} khoảng 45 phút. Chuyển hóa ở gan, bài tiết vào nước tiểu.

Vitamin B5: Hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa. Chuyển hóa thành acid pantothenic, phân bố rộng rãi trong các mô. 70% liều acid pantothenic uống thải trừ ở dạng không đổi trong nước tiểu và 30% trong phân.

CHỈ ĐỊNH

- Điều trị các bệnh thiếu vitamin nhóm B như: bệnh Beriberi, nứt môi, viêm lưỡi, lở mép, bệnh Pellagra.
- Trong trường hợp nuôi dưỡng hoàn toàn ngoài đường tiêu hóa, điều trị phụ trợ trong bệnh lý về gan, viêm da, viêm miệng, viêm dây thần kinh, viêm đa dây thần kinh, nghiện rượu, giải độc.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Tiêm bắp, tiêm truyền tĩnh mạch.

Liều thông thường: 1 - 2 ống/ngày. Hoặc theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

THẬN TRỌNG

- Nếu có bất kỳ triệu chứng dị ứng với vitamin B1, cần phải ngừng thuốc và không nên dùng thuốc trở lại sau đó bằng đường tiêm chích.
- Không dùng thuốc khi có hiện tượng không dung nạp với một trong các thành phần của thuốc bằng đường dùng nào khác.
- Thận trọng khi sử dụng liều cao nicotinamid cho những trường hợp sau: tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh gút, viêm khớp do gút và bệnh đái tháo đường.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Bệnh gan nặng

Loét dạ dày tiến triển

Xuất huyết động mạch

Hạ huyết áp nặng



TƯƠNG TÁC THUỐC

Vitamin B6:

- Làm giảm tác dụng của levodopa khi dùng đồng thời.
- Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về pyridoxine.

Vitamin PP:

- Sử dụng nicotinamid đồng thời với thuốc chẹn alpha – adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.
- Không nên sử dụng đồng thời nicotinamid với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.
- Sử dụng nicotinamid đồng thời với các chất ức chế men khử HGM-CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.
- Sử dụng nicotinamid đồng thời với các thuốc độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.
- Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với nicotinamid.

Vitamin B2:

- Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai và cho con bú dùng theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không gây ảnh hưởng gì khi lái xe và vận hành máy móc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- Vitamin B1: các phản ứng có hại của thiamin rất hiếm và thường theo kiểu dị ứng. Hiếm gặp: ra nhiều mồ hôi, sốc quá mẫn, tăng huyết áp cấp, ban da, mày đay, kích thích tại chỗ tiêm.
- Vitamin B6: hiếm gặp buồn nôn, nôn.
- Vitamin B2: không thấy có tác dụng không mong muốn khi sử dụng riboflavin. Dùng liều cao riboflavin thì nước tiểu có màu vàng nhạt, gây sai lệch một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm.
- Vitamin PP: Liều nhỏ nicotinamid thường không gây độc, tuy nhiên nếu dùng liều cao có thể xảy ra một số tác dụng phụ buồn nôn, đỏ bừng mặt, ngứa, cảm giá rất bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da, những tác dụng phụ này sẽ hết sau khi ngừng thuốc.

Thông báo cho thầy thuốc tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU

Chưa có thông tin về quá liều.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢO QUẢN

Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN

TCCS.

TRÌNH BÀY

Hộp 12 ống.



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Việt Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên
WHO - GMP



HUỖNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC